

**DANH MỤC Y DỤNG CỤ - VẬT TƯ Y TẾ ĐẦU THẦU NĂM 2026**  
(Kèm theo biên bản Hội đồng thuốc và Điều trị ngày 17/11/2025 của HDT&ĐT Trung tâm Y tế An Khê)

| STT      | TÊN VẬT TƯ HÀNG HÓA                                                                            | QUI CÁCH ĐÓNG GÓI                                           | ĐVT  | SỐ LƯỢNG | GHI CHÚ |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|------|----------|---------|
| <b>I</b> | <b>Gói thầu: Vật tư y tế</b>                                                                   |                                                             |      |          |         |
| 1        | Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 2/0, kim tròn, dài 26 mm                                 | Số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Hộp 24 tép     | Tép  | 1.200    |         |
| 2        | Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 2/0, kim tròn, dài 36 mm                                 | Số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 36 mm. Hộp 24 tép     | Tép  | 4.800    |         |
| 3        | Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 4/0, kim tròn, dài 22 mm                                 | Số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 22 mm. Hộp 24 tép     | Tép  | 960      |         |
| 4        | Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 5/0, kim tròn, dài 13 mm                                 | Số 5/0, dài 75 cm, kim tròn 3/8c, dài 13 mm. Hộp 24 tép     | Tép  | 240      |         |
| 5        | Chỉ Carelon (Nylon) số 2/0, kim tam giác, dài 30 mm                                            | Số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 30 mm. Hộp 24 tép | Tép  | 960      |         |
| 6        | Chỉ Carelon (Nylon) số 2/0, kim tròn, dài 26 mm                                                | Số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Hộp 24 tép     | Tép  | 240      |         |
| 7        | Chỉ Carelon (Nylon) số 3/0, kim tam giác, dài 26 mm                                            | Số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. Hộp 24 tép | Tép  | 4.800    |         |
| 8        | Chỉ Carelon (Nylon) số 4/0, kim tam giác, dài 18 mm                                            | Số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm. Hộp 24 tép | Tép  | 960      |         |
| 9        | Chỉ Carelon (Nylon) số 5/0, kim tam giác, dài 16 mm                                            | Số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm. Hộp 24 tép | Tép  | 960      |         |
| 10       | Chỉ Carelon (Nylon) số 6/0, kim tam giác, dài 13 mm                                            | Số 6/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 13 mm. Hộp 12 tép | Tép  | 48       |         |
| 11       | Chỉ thép Caresteel khâu xương bánh chề (Patella Set) số 7, dài 60 cm, kim tam giác, dài 120 mm | Số 7, dài 60 cm, kim tam giác, dài 120 mm                   | Tép  | 10       |         |
| 12       | Chỉ phẫu thuật Polycol 1 dài 90cm, kim tròn 1/2C 40mm                                          | Số 1 dài 90cm, kim tròn 1/2C 40mm. Hộp 12 tép               | Tép  | 3.600    |         |
| 13       | Chỉ phẫu thuật Polycol 2/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm                                        | Số 2/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm. Hộp 12 tép             | Tép  | 480      |         |
| 14       | Chỉ phẫu thuật Polycol 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm                                        | Số 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm. Hộp 12 tép             | Tép  | 48       |         |
| 15       | Chỉ phẫu thuật Polycol 4/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 20mm                                        | Số 4/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 20mm. Hộp 12 tép             | Tép  | 24       |         |
| 16       | Chỉ phẫu thuật Polycol 5/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 17mm                                        | Số 5/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 17mm. Hộp 12 tép             | Tép  | 24       |         |
| 17       | Băng cuộn 9cm x 2,5m                                                                           | Kích thước: 9cm x 2,5m. Gói 20 cuộn                         | Cuộn | 1.500    |         |

| STT | TÊN VẬT TƯ HÀNG HÓA                                                         | QUI CÁCH ĐÓNG GÓI                                                                                                                     | ĐVT   | SỐ LƯỢNG | GHI CHÚ |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------|---------|
| 18  | Băng dính cuộn vải lụa y tế (2,5cm x 5m)                                    | Kích thước: 2,5cm x 5m. Hộp 12 cuộn                                                                                                   | Cuộn  | 3.600    |         |
| 19  | Băng thun y tế 3 móc                                                        | Kích thước: 10cm x 5.5m. Gói 01 cuộn                                                                                                  | Cuộn  | 480      |         |
| 20  | Bông không hút nước                                                         | Nguyên liệu: bông không hút nước được chế từ lông của hạt cây bông, không loại mỡ., Quy cách: 1 kg/ gói                               | Kg    | 12       |         |
| 21  | Bông y tế 1kg                                                               | Nguyên liệu: sợi bông cotton 100%, hút nước, Khối lượng: 1kg/ cuộn Loại: không tiết trùng                                             | Kg    | 600      |         |
| 22  | Gạc meche phẫu thuật 3,5cm x 75cm x 6 lớp vô trùng cân quang                | Kích thước: 3,5cm x 75cm x 6 lớp vô trùng. Gói 03 miếng                                                                               | Miếng | 1.200    |         |
| 23  | Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 12 lớp vô trùng                                | Kích thước: 10cm x 10cm x 12 lớp vô trùng. Gói 10 miếng                                                                               | Miếng | 70.000   |         |
| 24  | Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 6 lớp vô trùng cân quang                | Kích thước: 30cm x 40cm x 6 lớp vô trùng cân quang. Gói 05 miếng                                                                      | Miếng | 70.000   |         |
| 25  | Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1 ml/cc, kim các cỡ                       | Dung tích: 1ml, kim các cỡ. Hộp 100 cái                                                                                               | Cái   | 3.000    |         |
| 26  | Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 3 ml/cc, kim các cỡ                       | Dung tích: 3ml, kim các cỡ. Hộp 100 cái                                                                                               | Cái   | 1.000    |         |
| 27  | Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 5 ml/cc, kim các cỡ                       | Dung tích: 5ml, kim các cỡ. Hộp 100 cái                                                                                               | Cái   | 120.000  |         |
| 28  | Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 10 ml/cc, kim các cỡ                      | Dung tích: 10ml, kim các cỡ. Hộp 100 cái                                                                                              | Cái   | 120.000  |         |
| 29  | Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 20 ml/cc, kim các cỡ                      | Dung tích: 20ml, kim các cỡ. Hộp 50 cái                                                                                               | Cái   | 100      |         |
| 30  | Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 50 ml/cc, kim các cỡ                      | Dung tích: 50ml, kim các cỡ. Hộp 25 cái                                                                                               | Cái   | 200      |         |
| 31  | Terumo Syringe SS*50LE                                                      | Dung tích: 50ml, dùng cho máy bơm tiêm điện. Bì 01 cái                                                                                | Cái   | 25       |         |
| 32  | Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 50 ml/cc, loại cho ăn                     | Dung tích: 50ml. Dùng cho ăn. Hộp 25 cái                                                                                              | Cái   | 200      |         |
| 33  | Nút chặn kim luồn                                                           | Chất liệu nhựa cao su. Hộp 250 cái                                                                                                    | Cái   | 500      |         |
| 34  | Bộ dây truyền dịch dùng trọng lực (INTRAFIX PRIMELINE LL, 180 CM TYPE I.S.) | Chiều dài dây 180cm, Đường kính trong dây: 3 mm. đường kính ngoài 4.1 mm. Thùng 100 cái                                               | Cái   | 25       |         |
| 35  | Găng tay cao su y tế có bột                                                 | Dùng trong thăm khám bệnh, có bột. Các size, hộp 50 đôi                                                                               | Đôi   | 200.000  |         |
| 36  | Găng sản khoa đã tiết trùng                                                 | Găng sản khoa đã tiết trùng dài 500 mm sản xuất từ latex cao su thiên nhiên phủ bột chống dính, sử dụng một lần. Các size, hộp 50 đôi | Đôi   | 2.000    |         |
| 37  | Găng tay phẫu thuật tiết trùng                                              | Dùng trong phẫu thuật, đã tiết trùng. Các size, hộp 50 đôi                                                                            | Đôi   | 40.000   |         |
| 38  | Phim X - Quang số hóa Trimax TXE 25 x 30cm                                  | Kích thước: 25cm x 30cm. Hộp 125 tờ                                                                                                   | Hộp   | 200      |         |

| STT | TÊN VẬT TƯ HÀNG HÓA                       | QUI CÁCH ĐÓNG GÓI                                                                                                                                | ĐVT | SỐ LƯỢNG | GHI CHÚ |
|-----|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|---------|
| 39  | Phim X Quang DI-HL 35X43cm                | Kích thước: 35X43cm. Hộp 100 tờ                                                                                                                  | Hộp | 70       |         |
| 40  | Kim luồn tĩnh mạch số 20                  | Số 20. Hộp 100 cái                                                                                                                               | Cái | 10.000   |         |
| 41  | Kim luồn tĩnh mạch số 22                  | Số 22. Hộp 100 cái                                                                                                                               | Cái | 20.000   |         |
| 42  | Kim luồn tĩnh mạch số 24                  | Số 24. Hộp 100 cái                                                                                                                               | Cái | 10.000   |         |
| 43  | Kim tiêm vô trùng sử dụng một lần, số 18  | Số 18. Hộp 100 cái                                                                                                                               | Cái | 60.000   |         |
| 44  | Kim tiêm vô trùng sử dụng một lần, số 23  | Số 23. Hộp 100 cái                                                                                                                               | Cái | 1.000    |         |
| 45  | Kim châm cứu vô trùng dùng một lần các số | Vô trùng Thân kim được làm bằng sợi thép y tế không gỉ, đốc kim được cuốn bằng thép, các vòng quấn tròn đều, không có gờ rập. Các số, túi 10 cái | Cái | 100.000  |         |
| 46  | Kim chọc dò tủy sống số 22                | Số 22. Hộp 200 cái                                                                                                                               | Cái | 50       |         |
| 47  | Kim chọc dò tủy sống số 25                | Số 25. Hộp 200 cái                                                                                                                               | Cái | 50       |         |
| 48  | Kim chọc dò tủy sống số 27                | Số 27. Hộp 200 cái                                                                                                                               | Cái | 2.500    |         |
| 49  | Dao mổ số 10 đầu tù                       | Chất liệu được làm từ thép carbon. Số 10, hộp 100 cái                                                                                            | Cái | 2.000    |         |
| 50  | Dao mổ số 11 đầu nhọn                     | Chất liệu được làm từ thép carbon. Số 11, hộp 100 cái                                                                                            | Cái | 1.600    |         |
| 51  | Dây truyền dịch                           | Chất liệu: nhựa y tế có độ trong suốt dễ quan sát, thành trong dây trơn nhẵn, đồng nhất. Có bầu đếm giọt 20 giọt/ml. Thùng 500 cái               | Cái | 20.000   |         |
| 52  | Dây truyền máu                            | Dùng để truyền máu và huyết thanh. Tốc độ truyền khoảng 20 giọt / ml. Bì 01 cái                                                                  | Cái | 500      |         |
| 53  | Dây cho ăn không nắp                      | Các số, Được sản xuất từ nhựa PVC. Loại không nắp. Bì 01 cái                                                                                     | Cái | 500      |         |
| 54  | Dây oxy 2 nhánh lớn                       | Nguyên liệu nhựa y tế, bề mặt mềm mại và mịn màng không có cạnh sắc nét. Chiều dài 2m, loại dùng cho người lớn. Bì 01 cái                        | Cái | 2.000    |         |
| 55  | Dây oxy 2 nhánh trẻ em                    | Nguyên liệu nhựa y tế, bề mặt mềm mại và mịn màng không có cạnh sắc nét. Chiều dài 2m, loại dùng cho trẻ em. Bì 01 cái                           | Cái | 1.000    |         |
| 56  | Dây oxy 2 nhánh sơ sinh                   | Nguyên liệu nhựa y tế, bề mặt mềm mại và mịn màng không có cạnh sắc nét. Chiều dài 2m, loại dùng cho trẻ sơ sinh. Bì 01 cái                      | Cái | 200      |         |
| 57  | Dây hút nhớt không khóa                   | Các số, Làm từ chất liệu nhựa PVC, không khóa. Bì 01 cái                                                                                         | Cái | 2.000    |         |
| 58  | Dây hút nhớt có khóa                      | Các số, Làm từ chất liệu nhựa PVC, Có khóa. Bì 01 cái                                                                                            | Cái | 3.000    |         |

| STT | TÊN VẬT TƯ HÀNG HÓA                    | QUI CÁCH ĐÓNG GÓI                                                                                                                                                                                                                                                                    | ĐVT  | SỐ LƯỢNG | GHI CHÚ |
|-----|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------|---------|
| 59  | Ống thông tiểu 1 nhánh                 | Được sản xuất từ chất đàn hồi silicon 100% tự nhiên. Thân ống mềm mại trong suốt. Đầu khép kín có hai mắt bên. Các số, bì 01 cái                                                                                                                                                     | Cái  | 100      |         |
| 60  | Ống thông tiểu 2 nhánh                 | Được sản xuất từ cao su thiên nhiên và được tráng qua silicon. Các số, bì 01 cái                                                                                                                                                                                                     | Cái  | 3.000    |         |
| 61  | Dây cho ăn có nắp                      | Các số, Được sản xuất từ nhựa PVC. Loại có nắp. Bì 01 cái                                                                                                                                                                                                                            | Cái  | 1.000    |         |
| 62  | Thông hậu môn (Rectal)                 | Chất liệu: PVC. Thân ống mềm mại, trong suốt. Các số, bì 01 cái                                                                                                                                                                                                                      | Cái  | 300      |         |
| 63  | Túi đựng nước tiểu van xả thẳng có dây | Túi có van xả phía dưới, miệng ống 90cm, van không chảy ngược và có van kéo đẩy. Dung lượng: 2000ml. Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. Có quai treo bằng nhựa PVC. Bì 01 cái                                                                               | Cái  | 3.000    |         |
| 64  | Bột bó OBANDA 15cm x 4,6m              | Được làm từ bột thạch cao, Vò là giấy bạc chống ẩm, lõi bằng nhựa. Kích thước: 15cm x 4,6m, Thùng 72 cuộn                                                                                                                                                                            | Cuộn | 840      |         |
| 65  | Bột bó OBANDA 20cm x 4,6m              | Được làm từ bột thạch cao, Vò là giấy bạc chống ẩm, lõi bằng nhựa. Kích thước: 20cm x 4,6m, Thùng 36 cuộn                                                                                                                                                                            | Cuộn | 540      |         |
| 66  | Bột bó OBANDA 10cm x 3,5m              | Được làm từ bột thạch cao, Vò là giấy bạc chống ẩm, lõi bằng nhựa. Kích thước: 10cm x 3.5m, Thùng 72 cuộn                                                                                                                                                                            | Cuộn | 540      |         |
| 67  | Túi Laser 18cm x 250cm, VT             | Kích thước: 18cm x 250cm. Đã tiệt trùng. Bì 01 cái                                                                                                                                                                                                                                   | Cái  | 5.000    |         |
| 68  | Terumo Dental needle                   | Cỡ kim: 27G. Chiều dài kim: 21mm. Hộp 100 cái                                                                                                                                                                                                                                        | Cái  | 2.000    |         |
| 69  | Ống đặt nội khí quản có bóng           | Sản xuất từ nhựa PVC, Đóng gói riêng lẻ từng túi. Các số, loại có bóng, bì 01 cái                                                                                                                                                                                                    | Cái  | 3.000    |         |
| 70  | Kẹp rốn                                | Kích thước: 5cm. Đã tiệt trùng, hộp 100 cái                                                                                                                                                                                                                                          | Cái  | 3.000    |         |
| 71  | Mặt nạ oxy có túi                      | Được làm từ chất liệu nhựa PVC, dùng trong y tế. Túi hơi dùng để dự trữ oxy. Ống hơi được mở an toàn. Mask với dây đeo đàn hồi. Kẹp mũi điều chỉnh được. Mặt nạ cung ứng một nồng độ oxy cao với ống 2m. Được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ trong từng túi. Loại có túi, bì 01 cái | Cái  | 300      |         |

| STT | TÊN VẬT TƯ HÀNG HÓA                                  | QUI CÁCH ĐÓNG GÓI                                                                                                                                                                       | ĐVT  | SỐ LƯỢNG | GHI CHÚ |
|-----|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------|---------|
| 72  | Mặt nạ oxy không túi                                 | Là loại mask không có van và bóng dự trữ. Loại mask này có thể cung cấp nồng độ oxy khí thở ổn định hơn qua ống thông mũi. Mask với dây đeo đàn hồi. Kẹp mũi điều chỉnh được. Bì 01 cái | Cái  | 300      |         |
| 73  | Túi máu đơn 250ml                                    | Túi máu dùng để thu thập máu với thể tích 250ml, có chứa 35ml chất chống đông CPDA-1, bảo quản máu toàn phần trong 35 ngày. Túi 10 cái ( 10 túi/ túi nhôm )                             | Cái  | 50       |         |
| 74  | Điện cực tim                                         | Chất liệu PE-foam, độ bám dính cao, không để lại chất kết dính. Bịch 50 cái                                                                                                             | Cái  | 300      |         |
| 75  | Dây garo                                             | Có khóa nhựa. Hộp 25 cái                                                                                                                                                                | Cái  | 300      |         |
| 76  | Giấy ghi kết quả đo điện tim Size: 60mm x 30m        | Kích thước: 60mmx30m. Thùng 100 cuộn                                                                                                                                                    | Cuộn | 500      |         |
| 77  | Giấy siêu âm trắng đen                               | Kích thước: 110mm x 20m. Hộp 5 cuộn                                                                                                                                                     | Cuộn | 500      |         |
| 78  | Đè lưỡi gỗ                                           | Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Hộp 100 cái                                                                                     | Cái  | 20.000   |         |
| 79  | Băng Ugo to bản dán cố định xương sườn               | Kích thước: 6cm x 4.5m. 8cm x 4.5m. 10cm x 4.5m.                                                                                                                                        | Cuộn | 20       |         |
| 80  | Ống nội khí quản không bóng ( số 2,5-3)              | Hộp 10 cái                                                                                                                                                                              | Cái  | 20       |         |
| 81  | Sonde dạ dày (Trẻ em + sơ sinh)                      | Bì 01 cái                                                                                                                                                                               | Cái  | 50       |         |
| 82  | Khóa 3 chạc                                          | Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2003/NS, EN ISO 13485:2012, CE, WHO – GMP<br>Quy cách đóng gói: 50 cái/ hộp.                                                                            | Cái  | 200      |         |
| 83  | Bộ dây nối bơm tiêm điện                             | Chiều dài dây 75cm, 140 cm bằng nhựa y tế đã tiệt trùng, sử dụng 1 lần đạt tiêu chuẩn y tế. · Tiệt trùng bằng khí EO. · Làm bằng vật liệu nhựa cường lực, có khóa                       | Bộ   | 5        |         |
| II  | <b>Gói thầu: Dụng cụ chấn thương và dụng cụ khác</b> |                                                                                                                                                                                         |      |          |         |
| 1   | Nẹp mini thẳng dùng cho vít 2.0mm                    | Dây 1,0mm; rộng 5,0mm<br>Có 4/5/6/7/8 lỗ<br>Chất liệu thép không gỉ                                                                                                                     | Cái  | 3        |         |

| STT | TÊN VẬT TƯ HÀNG HÓA               | QUI CÁCH ĐÓNG GÓI                                                           | ĐVT | SỐ LƯỢNG | GHI CHÚ |
|-----|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----|----------|---------|
| 2   | Nẹp mini thẳng dùng cho vít 2.0mm | Dày 1,0mm; rộng 5,0mm<br>Có 4/5/6/7/8 lỗ<br>Chất liệu thép không gỉ         | Cái | 3        |         |
| 3   | Nẹp MC-DCP bản nhỏ                | Dày 2,5mm; rộng 9,5mm<br>Có 4/5/6/7/8/9/10/12 lỗ<br>Chất liệu thép không gỉ | Cái | 3        |         |
| 4   | Nẹp MC-DCP bản nhỏ                | Dày 2,5mm; rộng 9,5mm<br>Có 4/5/6/7/8/9/10/12 lỗ<br>Chất liệu thép không gỉ | Cái | 5        |         |
| 5   | Nẹp MC-DCP bản nhỏ                | Dày 2,5mm; rộng 9,5mm<br>Có 4/5/6/7/8/9/10/12 lỗ<br>Chất liệu thép không gỉ | Cái | 3        |         |
| 6   | Nẹp đầu dưới xương chày mặt bên   | Dày 3,0mm<br>Có 6 lỗ trái, phải<br>Chất liệu thép không gỉ                  | Cái | 10       |         |
| 7   | Nẹp đầu dưới xương chày mặt bên   | Dày 3,0mm<br>Có 7 lỗ trái, phải<br>Chất liệu thép không gỉ                  | Cái | 10       |         |
| 8   | Nẹp móc xương đòn                 | Dày 2,5mm<br>Có 3/4/5/6/7/8 lỗ trái, phải<br>Chất liệu thép không gỉ        | Cái | 3        |         |
| 9   | Nẹp móc xương đòn                 | Dày 2,5mm<br>Có 3/4/5/6/7/8 lỗ trái, phải<br>Chất liệu thép không gỉ        | Cái | 3        |         |
| 10  | Nẹp xương đòn chữ S               | Dày 3,0mm; rộng 10,0mm<br>Có 6 lỗ<br>Chất liệu thép không gỉ                | Cái | 5        |         |
| 11  | Nẹp xương đòn chữ S               | Dày 3,0mm; rộng 10,0mm<br>Có 7 lỗ<br>Chất liệu thép không gỉ                | Cái | 5        |         |
| 12  | Nẹp xương đòn chữ S               | Dày 3,0mm; rộng 10,0mm<br>Có 8 lỗ<br>Chất liệu thép không gỉ                | Cái | 5        |         |
| 13  | Nẹp xương đòn chữ S               | Dày 3,0mm; rộng 10,0mm<br>Có 6 lỗ<br>Chất liệu thép không gỉ                | Cái | 5        |         |
| 14  | Nẹp xương đòn chữ S               | Dày 3,0mm; rộng 10,0mm<br>Có 7 lỗ<br>Chất liệu thép không gỉ                | Cái | 5        |         |
| 15  | Nẹp xương đòn chữ S               | Dày 3,0mm; rộng 10,0mm<br>Có 8 lỗ<br>Chất liệu thép không gỉ                | Cái | 5        |         |
| 16  | Đinh Kirschner nhọn 1 đầu         | Đường kính: 1 mm<br>Chiều dài: 310mm<br>Chất liệu thép không gỉ             | Cái | 5        |         |

| STT | TÊN VẬT TƯ HÀNG HÓA                  | QUI CÁCH ĐÓNG GÓI                                                                                                                                | ĐVT | SỐ LƯỢNG | GHI CHÚ |
|-----|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|---------|
| 17  | Vít xương cứng 2.0mm                 | Dài 6-30mm với bước tăng 2mm<br>Đường kính mũ vít: 4,0mm; Đường kính lõi vít: 1,5mm; Đường kính thân ren: 2,0mm<br>Chất liệu thép không gỉ       | Cái | 30       |         |
| 18  | Vít xương cứng 3.5mm bước ren 1.75mm | Dài 10-50mm với bước tăng 2mm<br>Đường kính mũ vít: 6,0mm; Đường kính lõi vít: 3,0mm; Đường kính thân ren: 3,5mm<br>Chất liệu thép không gỉ      | Cái | 100      |         |
| 19  | Vít xương cứng 3.5mm bước ren 1.75mm | Dài 10-50mm với bước tăng 2mm<br>Đường kính mũ vít: 6,0mm; Đường kính lõi vít: 3,0mm; Đường kính thân ren: 3,5mm<br>Chất liệu thép không gỉ      | Cái | 100      |         |
| 20  | Kéo phẫu thuật thẳng nhọn 12cm       | Dài 12cm<br>Chất liệu thép không gỉ                                                                                                              | cái | 10       |         |
| 21  | Kéo phẫu thuật metzenbaum cong 18cm  | Dài 18cm<br>Chất liệu thép không gỉ                                                                                                              | cái | 3        |         |
| 22  | Kìm mang kim dài 20cm                | Dài 20cm<br>Chất liệu thép không gỉ                                                                                                              | cái | 5        |         |
| 23  | panh phẫu thuật cong không máu 16cm  | Dài 16cm<br>Chất liệu thép không gỉ                                                                                                              | cái | 10       |         |
| 24  | panh phẫu thuật cong không máu 12cm  | Dài 12cm<br>Chất liệu thép không gỉ                                                                                                              | cái | 10       |         |
| 25  | Kẹp răng chuột Allis                 | Dài 16cm<br>Chất liệu thép không gỉ                                                                                                              | cái | 10       |         |
| 26  | Panh hình tim dài 20cm               | Dài 20cm<br>Chất liệu thép không gỉ                                                                                                              | cái | 10       |         |
| 27  | Panh hình tim dài 20cm               | Dài 20cm<br>Chất liệu thép không gỉ                                                                                                              | cái | 10       |         |
| 28  | Cán dao (Cán số 3)                   | Cán số 3<br>Chất liệu thép không gỉ                                                                                                              | cái | 5        |         |
| 29  | Panh kẹp thẳng có máu 20cm           | Bì 01 cái                                                                                                                                        | Cái | 10       |         |
| 30  | Kéo y tế thẳng nhọn 18cm             | Bì 01 cái                                                                                                                                        | cái | 20       |         |
| 31  | Cây treo dịch truyền Inox            | Inox 304 Cao 160cm                                                                                                                               | Cái | 50       |         |
| 32  | Nẹp cổ cứng                          | Vật liệu: EVA, khóa Velcro. Dùng để cố định đốt sống cổ sau chấn thương hoặc sau phẫu thuật. Các số, Bì 01 cái                                   | cái | 5        |         |
| 33  | Nẹp đùi ngắn                         | Vật liệu: Vải cotton, vải có lỗ thoáng khí. Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm. Dùng để Hỗ trợ cố định vùng quanh khớp gối, đùi, cẳng chân. Bì 01 cái | cái | 10       |         |

| STT | TÊN VẬT TƯ HÀNG HÓA                    | QUI CÁCH ĐÓNG GÓI                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | ĐVT | SỐ LƯỢNG | GHI CHÚ |
|-----|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|---------|
| 34  | Nẹp căng chân dài                      | Vật liệu: Vải dệt kim, hệ thống dây đai. Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm. Hỗ trợ, cố định sau chấn thương, phẫu thuật quanh khớp gối. Bì 01 cái                                                                                                                                                                                      | cái | 10       |         |
| 35  | Nẹp căng tay dài                       | Vật liệu: Vải dệt kim, Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm. Hỗ trợ cố định sau gãy đầu dưới xương quay, xương trụ, gãy potocol. Bì 01 cái                                                                                                                                                                               | cái | 60       |         |
| 36  | Nẹp cánh tay                           | Vật liệu: Vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm. Cố định gãy xương, trật khớp vùng khuỷu tay sau chấn thương hoặc sau phẫu thuật. Bì 01 cái                                                                                                                                            | cái | 20       |         |
| 37  | Đai xương đòn                          | Vật liệu: Vải cotton, mút xốp. Khóa Velcro. Cố định chấn thương gãy xương đòn, trật khớp cùng đòn. Bì 01 cái                                                                                                                                                                                                                       | cái | 45       |         |
| 38  | Đai cột sống thắt lưng                 | Vật liệu: Vải mút dệt kim, dây đai, dây thun. Thanh định vị bằng nhôm loại lớn có thể uốn cong theo chiều cong sinh lý của cột sống. Hỗ trợ sau phẫu thuật, sau khi nắn, kéo đai cột sống thắt lưng. Bì 01 cái                                                                                                                     | cái | 10       |         |
| 39  | Huyết áp điện tử ( Người lớn + trẻ em) | Hiển thị ngày, giờ – Thuận tiện theo dõi huyết áp theo quá trình<br>Thuật toán điều áp thông minh giúp người dùng thoải mái trong quá trình đo.<br>Cảm biến vòng bít – Phát hiện tình trạng vòng bít<br>Cảnh báo chuyển động cơ thể<br>Phát hiện rối loạn nhịp tim trong quá trình đo.<br>Dùng cho người lớn và trẻ em. Hộp 01 cái | Cái | 20       |         |

| STT | TÊN VẬT TƯ HÀNG HÓA                  | QUI CÁCH ĐÓNG GÓI                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | ĐVT | SỐ LƯỢNG | GHI CHÚ |
|-----|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|---------|
| 40  | Nhiệt kế hồng ngoại                  | Đặc điểm: Khoảng đo: Đo thân nhiệt: 34,0 - 43,0°C (93,2 - 109,4°F).<br>Màn hình: LCD, 4 chữ số với các ký hiệu riêng.<br>Nhiệt độ môi trường đo: Chế độ đo thân nhiệt: 16,0 - 40,0°C (60,8-104,0°F).<br>Quy cách: Hộp 01 cái                                                                                         | Cái | 20       |         |
| 41  | Đồng hồ Oxy                          | Dùng để đo nồng độ oxy. Hộp 01 cái                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Cái | 30       |         |
| 42  | Bộ lọc vi khuẩn/Virus và tạo ẩm HMEF | - Bộ lọc nhiệt và trao đổi độ ẩm. Có cổng CO2<br>- Trọng lượng nhẹ, sức cản dòng không khí thấp<br>- Thể tích khí lưu thông: 200-1500ml<br>- Sản lượng ẩm HME tạo ra tốt.<br>- Các bộ lọc được thiết kế để ngăn chặn vi khuẩn/virus lây nhiễm chéo<br>- Tiết trùng bằng khí EO<br>- Quy cách đóng gói: 100 cái/thùng | Cái | 1.000    |         |
| 43  | Nệm y tế                             | Nguồn điện: 220V; Kích thước: 60cm; Máng đèn hình chữ C Inox. Công suất: 15W-20W                                                                                                                                                                                                                                     | Cái | 200      |         |
| 44  | Máy đo huyết áp cơ                   | Dùng cho người lớn và trẻ em. Đồng hồ chuẩn có vạch chia từ 20 ~ 300mmHg<br>Độ chính xác: $\pm 3\text{mmHg}$ . Hệ thống ống dẫn khí, quả bóp bằng chất liệu cao su chống oxy hoá có độ bền cao. Vòng bít làm bằng chất liệu vải có độ bền cao. Hệ thống dây dẫn khí bằng cao su cao cấp chống oxy hoá. Hộp 01 cái    | Cái | 20       |         |
| 45  | Ống Nghe                             | Mặt nghe: 2 mặt; Dây ống nghe: Lồng ống đơn, càng tay nghe góc mở rộng. Chiều dài dây nghe: 52-60cm. Bì 01 cái                                                                                                                                                                                                       | Cái | 20       |         |
| 46  | Nhiệt Kế thủy Ngân                   | Dùng đo nhiệt độ cơ thể ở miệng, nách.<br>Vạch chia độ rõ nét, dễ quan sát.<br>Khoảng đo: từ 35 độ C - 42 độ C.<br>Hộp 12 cái                                                                                                                                                                                        | Cái | 50       |         |
| 47  | Bóp bóng người lớn                   | Chất liệu: Nhựa PVC, Dùng cho người lớn. Hộp 01 cái                                                                                                                                                                                                                                                                  | Cái | 10       |         |
| 48  | Bóp bóng trẻ em                      | Chất liệu: Nhựa PVC, Dùng cho trẻ em. Hộp 01 cái                                                                                                                                                                                                                                                                     | Cái | 10       |         |

| STT | TÊN VẬT TƯ HÀNG HÓA                                                                                                           | QUI CÁCH ĐÓNG GÓI                                                                                                                                  | ĐVT | SỐ LƯỢNG | GHI CHÚ |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|---------|
| 49  | Bao cao su                                                                                                                    | Được sản xuất từ cao su thiên nhiên bằng công nghệ nhúng có màu sắc tự nhiên, co giãn tốt. Bì 01 cái                                               | Cái | 2.000    |         |
| 50  | Canyl các số                                                                                                                  | Dụng cụ hỗ trợ trong việc thông các ống dẫn qua cổ họng để bệnh nhân tránh trường hợp cắn lưỡi. Chất liệu: Làm từ polyethylene. Các số, Hộp 50 cái | Cái | 200      |         |
| 51  | Đèn Cục Tím 60cm                                                                                                              | Dài 60cm                                                                                                                                           | Cái | 5        |         |
| 52  | Hộp An Toàn Dụng Bơm Tiêm Và Kim Tiêm Đã Qua Sử Dụng.                                                                         | Bì 50 cái                                                                                                                                          | Cái | 500      |         |
| 53  | Băng đo huyết áp máy monituorin                                                                                               | Hộp 01 cái                                                                                                                                         | Cái | 3        |         |
| 54  | Băng đo máy huyết áp cơ, điện tử Người lớn, trẻ em, nhi                                                                       | Bì/ cái                                                                                                                                            | Cái | 50       |         |
| 55  | Dây bơm máy huyết học                                                                                                         | Bì 2 cái                                                                                                                                           | Cái | 4        |         |
| 56  | Bóng đèn Slit lamp Sl -450                                                                                                    | Slit lamp Sl -450                                                                                                                                  | Cái | 3        |         |
| 57  | Đèn cực tím 120cm                                                                                                             | Dài 120cm                                                                                                                                          | Cái | 2        |         |
| 58  | Vòng đeo tay an toàn cho người lớn                                                                                            | Chất liệu nhựa y tế, mềm, có đầy đủ các màu, dài 240mm, rộng 22mm. Tiêu chuẩn ISO 9001:2015                                                        | Cái | 500      |         |
| 59  | Vòng đeo tay an toàn cho trẻ em                                                                                               | Chất liệu nhựa y tế, mềm, có đầy đủ các màu, dài 175mm, rộng 22mm. Tiêu chuẩn ISO 9001:2015                                                        | Cái | 200      |         |
| 60  | Mar thanh quản các cỡ                                                                                                         | Bì 01 cái                                                                                                                                          | Cái | 10       |         |
| 61  | Redon dẫn lưu vết mổ                                                                                                          | Bì 01 cái                                                                                                                                          | Cái | 50       |         |
| 62  | Túi đựng Oxy                                                                                                                  | Bì 01 cái                                                                                                                                          | Cái | 5        |         |
| III | <b>Gói vật tư y dụng cụ phẫu thuật nội soi</b>                                                                                |                                                                                                                                                    |     |          |         |
| 1   | Bóng Đèn Xenon 175W, 15 Volt                                                                                                  | 175W, 15 Volt                                                                                                                                      | Cái | 5        |         |
| 2   | Ruột Kẹp đốt lưỡng cực, Chiều rộng hàm 3mm, Cỡ 5 mm, Dài 33 Cm                                                                | Chiều rộng hàm 3mm, Cỡ 5mm, Dài 33cm                                                                                                               | Cái | 5        |         |
| 3   | Tay cầm nhựa không khóa Cỡ 5mm                                                                                                | Cỡ 5mm                                                                                                                                             | Cái | 5        |         |
| 4   | Vỏ ngoài bằng Kim loại, được bọc cách điện, Có đầu nối Khóa LUER Dùng cho vệ sinh, Cỡ 5 mm, Dài 36 cm                         | Cỡ 5mm, Dài 36cm                                                                                                                                   | Cái | 5        |         |
| 5   | Van Silicon (hình dạng trái khế), cỡ 6mm, hấp tiệt trùng được, đóng gói 5 cái (Mã số: 30120Y; MHS: 9018: HSX: Karl Storz- Đức | Mã số: 30120Y; MHS: 9018: HSX: Karl Storz- Đức                                                                                                     | Cái | 20       |         |

| STT | TÊN VẬT TƯ HÀNG HÓA                                                                                                             | QUI CÁCH ĐÓNG GÓI                              | ĐVT | SỐ LƯỢNG | GHI CHÚ |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----|----------|---------|
| 6   | Van Silicon (hình dạng trái khế), cỡ 11mm, hấp tiệt trùng được, đóng gói 5 cái (Mã số: 30123Y; MHS: 9018; HSX: Karl Storz- Đức) | Mã số: 30123Y; MHS: 9018; HSX: Karl Storz- Đức | Cái | 10       |         |

**IV Gói dụng cụ y tế chuyên dùng**

|    |                                                |                                                                 |     |    |  |
|----|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----|----|--|
| 1  | Hộp Nhỏ Dụng Cụ Inox ( Dài 20cm X Rộng 10cm)   | Hộp 01 cái KT: Dài 20cm x rộng 10cm                             | Cái | 20 |  |
| 2  | Xe Đẩy Bệnh Nhân Ngồi( Người Lớn) Rộng > 460mm | Rộng > 460mm                                                    | Cái | 5  |  |
| 3  | Xe Đẩy Bệnh Nhân Ngồi( Trẻ em) Rộng > 460mm    | Rộng > 460mm                                                    | Cái | 2  |  |
| 4  | Xe cán đẩy bệnh nhân nằm Inox                  | Kích thước sản phẩm (dài x rộng x cao): 1900mm x 610mm x 750mm. | Cái | 5  |  |
| 5  | Máy Phun Thuốc Stihl SR 420                    | Stihl SR 420                                                    | Cái | 3  |  |
| 6  | Cân đồng hồ 100kg                              | 100kg                                                           | Cái | 5  |  |
| 7  | Xe đẩy tiêm thuốc                              | Inox x (Cao 1,2cm , rộng 60 cm , rộng 1m) 2 tầng                | Cái | 10 |  |
| 8  | Bơm tiêm điện                                  | Hộp 01 cái                                                      | Cái | 5  |  |
| 9  | Bình bốc hơi Sevofurane                        | Hộp 01 cái                                                      | Cái | 2  |  |
| 10 | Đèn Gù                                         | Hộp 01 cái                                                      | cái | 10 |  |
| 11 | Đèn Sưởi 3 Bóng Halogen                        | Hộp 01 cái                                                      | Cái | 10 |  |
|    | Tổng cộng: (I+II+III+IV):                      | 162 khoản                                                       |     |    |  |

Người lập biểu

*Cam*

Ds Lê Văn Lũy



Bs Thái Thị Ngọc An



**DANH MỤC HÓA CHẤT, SINH PHẨM, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM,  
HÓA CHẤT KHỬ KHUẨN, VẬT TƯ CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH ĐẦU THẦU NĂM 2026**  
(Kèm theo biên bản Hội Đồng thuốc và Điều trị ngày 17/11/2025 của HDT&ĐT Trung tâm Y tế An Khê)

| STT       | Danh mục hàng hóa                                   | Qui cách đóng gói                           | Đơn vị | Số lượng | Ghi chú     |
|-----------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------|----------|-------------|
| <b>I</b>  | <b>DANH MỤC HÓA CHẤT SINH HÓA</b>                   |                                             |        |          |             |
| 1         | ALBUMIN                                             | 10x50ml                                     | Hộp    | 2        |             |
| 2         | ACID SOLUTION                                       | 5 x 40 ml                                   | Hộp    | 10       | AMS - Italy |
| 3         | AMYLASE                                             | 5x20ml                                      | Hộp    | 5        |             |
| 4         | ASO Latex                                           | 1X40+1X10 ML                                | Hộp    | 1        |             |
| 5         | BILIRUBIN DIRECT                                    | (10x15ml)+(1x10ml)                          | Hộp    | 5        |             |
| 6         | BILIRUBIN TOTAL                                     | (10x20ml)+(1x10ml)                          | Hộp    | 5        |             |
| 7         | Bộ hóa chất điện giải CBS-400<br>Na/K/Cl/Ca         | Bộ(bao gồm hóa chất phân tích<br>và dd rửa) | Bộ     | 10       | Trung Quốc  |
| 8         | CALCIUM OCP                                         | (5x50ml)+(5x50ml)                           | Hộp    | 4        |             |
| 9         | CLEANING SOLUTION                                   | 4x133 ml                                    | Hộp    | 10       | AMS - Italy |
| 10        | CREATININE                                          | (5x50ml)+(5x50ml)                           | Hộp    | 5        |             |
| 11        | CRP Latex                                           | 1X40+1X10 ML                                | Hộp    | 1        |             |
| 12        | Alcohol (đo nồng độ cồn)                            | 10x15ml, (1 STD)                            | Hộp    | 5        | Randoxx     |
| 13        | GD CAL                                              | 6X3 ML                                      | Hộp    | 3        | Randoxx     |
| 14        | GD NORM                                             | 5X5 ML                                      | Hộp    | 5        | Randoxx     |
| 15        | GLUCOSE                                             | 12x50ml                                     | Hộp    | 5        |             |
| 16        | GOT/AST                                             | (5x40ml)+(1x20ml)                           | Hộp    | 10       |             |
| 17        | GPT/ALT                                             | (5x40ml)+(1x20ml)                           | Hộp    | 10       |             |
| 18        | GGT/GAMAGT                                          | (5x40ml)+(1x50ml)                           | Hộp    | 5        |             |
| 19        | HDL DIRECT                                          | 4x50ml                                      | Hộp    | 5        |             |
| 20        | HOMOCYSTEINE CONTROL                                | 2 levelsX2mL                                | Hộp    | 2        | Randoxx     |
| 21        | LDL DIRECT                                          | 1X45+1X15 ML                                | Hộp    | 5        |             |
| 22        | RINSE SOLUTION                                      | 1x 50 ml                                    | Hộp    | 5        | AMS - Italy |
| 23        | TOTAL CHOLESTEROL                                   | 12x50ml                                     | Hộp    | 5        |             |
| 24        | TOTAL PROTEIN                                       | 10x50ml                                     | Hộp    | 2        |             |
| 25        | TRIGLYCERIDES                                       | 12x50ml                                     | Hộp    | 5        |             |
| 26        | UREA UV                                             | (10x40ml)+(5x20ml)                          | Hộp    | 5        |             |
| 27        | URIC ACID                                           | 12x50ml                                     | Hộp    | 5        |             |
| 28        | MICROALBUMINE                                       | 12x50ml                                     | Hộp    | 2        |             |
| <b>II</b> | <b>DANH MỤC SINH PHẨM (Test), VẬT TƯ XÉT NGHIỆM</b> |                                             |        |          |             |
| 1         | Test đường huyết                                    | Test                                        | Test   | 25000    |             |
| 2         | Test H. Pyloli                                      | Test                                        | Test   | 500      |             |
| 3         | Test HBeAg                                          | Test                                        | Test   | 500      |             |

| STT                                    | Danh mục hàng hóa                                      | Qui cách đóng gói | Đơn vị | Số lượng | Ghi chú      |
|----------------------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------|--------|----------|--------------|
| 4                                      | Test sốt rét                                           | Test              | Test   | 500      |              |
| 5                                      | Test HBsAg                                             | Test              | Test   | 5000     |              |
| 6                                      | Test Anti HBs                                          | Test              | Test   | 500      |              |
| 7                                      | Test HCV                                               | Test              | Test   | 1500     |              |
| 8                                      | Test AFP                                               | Test              | Test   | 1000     |              |
| 9                                      | Test Syphilis                                          | Test              | Test   | 200      |              |
| 10                                     | Test HIV                                               | Test              | Test   | 3000     |              |
| 11                                     | Test Dengue CTK (hoặc tương đương)                     | Test              | Test   | 8000     | Kháng nguyên |
| 12                                     | Test Troponine I                                       | Test              | Test   | 1000     |              |
| 13                                     | Test ASLO                                              | Hộp               | Hộp    | 2        |              |
| 14                                     | Test Ma túy tổng hợp 5 CHÂN                            | Test              | Test   | 10000    |              |
| 15                                     | Clo test                                               | Test              | Test   | 200      |              |
| 16                                     | Test nước tiểu 10 thông số (Dùng cho máy Urometer 120) | Test              | Test   | 5000     | ABBOTT       |
| 17                                     | Đầu Col vàng                                           | Cái               | Cái    | 10000    |              |
| 18                                     | Đầu Col xanh                                           | Cái               | Cái    | 10000    |              |
| 19                                     | Kim Chích máu lancet                                   | Hộp/200 cây       | Cây    | 30000    |              |
| 20                                     | Lam kính XN 7105                                       | Hộp               | Hộp    | 10       |              |
| 21                                     | Lam kính XN 7102                                       | Hộp               | Hộp    | 60       |              |
| 22                                     | Lammen                                                 | Hộp               | Hộp    | 10       |              |
| 23                                     | Cốc lấy mẫu đờm ( có nắp vận)                          | Cái               | Cái    | 3000     |              |
| 24                                     | Cốc lấy mẫu phân(có nắp vận)                           | Cái               | Cái    | 200      |              |
| 25                                     | Ống nghiệm nhựa có nắp                                 | Cái               | Cái    | 10000    |              |
| 26                                     | Ống nghiệm ETDA                                        | Thùng/2400 ống    | Ống    | 48000    |              |
| 27                                     | Ống nghiệm Heparin nắp đen                             | 100 ống/ khay     | Ống    | 5000     | 2000 ống     |
| 28                                     | Ống nghiệm Citrat nắp xanh                             | 100 ống/ khay     | Ống    | 1000     | 1000 ống     |
| 29                                     | Ống nghiệm nắp màu tím                                 | 100 ống/ khay     | Ống    | 1000     | 1000 ống     |
| 30                                     | Ống máu lắng ESR thủy tinh 1.28ml                      | 100 ống/ khay     | Ống    | 500      | 500 ống      |
| 31                                     | Sample Cup                                             | Cái               | Cái    | 10000    | 1.5ml        |
| 32                                     | Bộ pipet: 10,50, 100, 500, 1000                        | Bộ                | Bộ     | 1        |              |
| 33                                     | Đèn cồn                                                | Cái               | Cái    | 2        |              |
| 34                                     | Cồn sát khuẩn 70 độ                                    | Lít               | Lít    | 100      |              |
| 35                                     | Cồn sát khuẩn 90 độ                                    | Lít               | Lít    | 10       |              |
| 36                                     | Nước cất                                               | Can 30lit         | Can    | 24       |              |
| <b>III DANH MỤC HÓA CHẤT HUYẾT HỌC</b> |                                                        |                   |        |          |              |
| 1                                      | Anti A, Anti B, Anti AB                                | Bộ 3 Lọ           | Bộ     | 30       |              |
| 2                                      | Anti D ( Rh )                                          | Lọ                | Lọ     | 30       |              |
| 3                                      | Card định nhóm máu                                     | Card              | Card   | 100      |              |
| 4                                      | Bộ hóa chất nhuộm Gram                                 | 4x100ml           | Bộ     | 2        |              |
| 5                                      | Dung dịch Giêm sa mệ                                   | Chai 500ml        | Chai   | 1        |              |
| 6                                      | Dung dịch Fuchsin                                      | Chai 500ml        | Chai   | 4        |              |
| 7                                      | Dung dịch Acid cồn                                     | Chai 500ml        | Chai   | 4        |              |

| STT                                                 | Danh mục hàng hóa                     | Qui cách đóng gói | Đơn vị | Số lượng | Ghi chú               |
|-----------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------|--------|----------|-----------------------|
| 8                                                   | Dung dịch xanh Methylen               | Chai 500ml        | Chai   | 4        |                       |
| 9                                                   | Isotonac 3                            | Thùng 18lít       | Thùng  | 110      | Nikonkoden            |
| 10                                                  | Hemolynac 3                           | Chai 500ml        | Chai   | 70       | Nikonkoden            |
| 11                                                  | Cleanac                               | Thùng 5lít        | Thùng  | 40       | Nikonkoden            |
| 12                                                  | Cleanac 3                             | Thùng 5lít        | Thùng  | 20       | Nikonkoden            |
| 13                                                  | Dây bơm Máy HH 18 ts                  | Sợi               | Sợi    | 2        | Nikonkoden            |
| 14                                                  | Bóng đèn máy sinh hóa SAT 450         | Cái               | Cái    | 2        | AMS - Italy           |
| <b>IV DANH MỤC VẬT TƯ CĐHA, DUNG DỊCH KHỬ KHUẨN</b> |                                       |                   |        |          |                       |
| 1                                                   | Giấy đo điện tim                      | 63mmx30mmx16mm    | Cuộn   | 100      | Hộp 10 cuộn           |
| 2                                                   | Cidex                                 | Can               | Can    | 20       |                       |
| 3                                                   | Cedizim                               | Chai 1000ml       | Chai   | 5        |                       |
| 4                                                   | Giấy in Siêu âm                       | Hộp 10/110mmx20m  | Hộp    | 20       | Sony                  |
| 5                                                   | Gel siêu âm                           | Thùng             | Thùng  | 40       |                       |
| 6                                                   | Vôi soda                              | Can 5 lít         | Can    | 10       |                       |
| 7                                                   | Chloramin B 25%                       | 25%               | Kg     | 500      |                       |
| 8                                                   | Dung dịch sát khuẩn tay nhanh         | 500ml             | Chai   | 600      |                       |
| 9                                                   | Dung dịch xà phòng rửa tay phẫu thuật | 4% 500ml          | Chai   | 600      |                       |
| <b>V DANH MỤC TEST MÁY XN MIỄN DỊCH</b>             |                                       |                   |        |          |                       |
| 1                                                   | HbA1C (Standard F200)                 | Hộp 20 test       | Test   | 500      | SD Biosensor Hàn Quốc |
| 2                                                   | βhCG (Standard F200)                  | Hộp 20 test       | Test   | 100      | SD Biosensor Hàn Quốc |
| 3                                                   | Troponine I (Standard F200)           | Hộp 20 test       | Test   | 200      | SD Biosensor Hàn Quốc |
| 4                                                   | T3 (Standard F200)                    | Hộp 20 test       | Test   | 100      | SD Biosensor Hàn Quốc |
| 5                                                   | FT4 (Standard F200)                   | Hộp 20 test       | Test   | 100      | SD Biosensor Hàn Quốc |
| 6                                                   | TSH (Standard F200)                   | Hộp 20 test       | Test   | 100      | SD Biosensor Hàn Quốc |
| 7                                                   | Pro-BNP (Standard F200)               | Hộp 20 test       | Test   | 100      | SD Biosensor Hàn Quốc |
| Tổng cộng: 94 danh mục                              |                                       |                   |        |          |                       |

Người lập biểu

*(Signature)*

Ds Lê Văn Lũy



Chữ tịch HDT&DT

*(Signature)*

Bs. Thái Thị Ngọc An